

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 12 - 2019
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Hải Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Oanh

Bà Nguyễn Thị Hồng Chuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Chúng Minh Duẩn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Mai Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị G, sinh năm 1995; (vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Bàn Văn Q, sinh năm 1990; (vắng mặt)

Đều cư trú tại: thôn Kh, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 16/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Chị Đặng Thị G trình bày: chị và anh Q chung sống với nhau từ năm 2009 trên cơ sở tự nguyện được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương, tuy nhiên đến ngày 20/5/2013 anh chị mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, tính tình không hòa hợp, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Mâu

thuần vợ chồng đã được gia đình, bạn bè khuyên bảo và hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ đầu năm 2015 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, có níu kéo cũng không có hạnh phúc nên Chị Đặng Thị G đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bàn Văn Q. Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là các cháu Bàn Như Ng, sinh ngày 16/11/2009, cháu Bàn Thị Ngọc B, sinh ngày 06/12/2012, khi ly hôn chị G có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Bàn Văn Q nhiều lần nhưng anh Q không có mặt để tham gia tố tụng do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án. Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo luật định.

Tại các biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang với trưởng thôn Kh, xã Đ; cán bộ tư pháp xã Đ; Trưởng công an xã Đ phản ánh về tình trạng hôn nhân của chị Đặng Thị G và anh Bàn Văn Q như sau:

Anh Bàn Văn Q sinh ra và lớn lên ở thôn Kh, xã Đ, huyện B, có hộ khẩu thường trú tại thôn Kh, xã Đ, huyện B. Tuy nhiên hiện nay anh Bàn Văn Q là lao động tự do, đi ra ngoài làm thuê, không ổn định, thường xuyên vắng mặt tại địa phương, thỉnh thoảng mới về thôn Kh, xã Đ. Chị Đặng Thị G và anh Bàn Văn Q đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ trên cơ sở tự nguyện từ năm 2013, có được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trước đó anh Q và chị G đã chung sống với nhau từ năm 2009. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Bàn Như Ng, sinh ngày 16/11/2009, cháu Bàn Thị Ngọc B, sinh ngày 06/12/2012. Quá trình chung sống tại thôn Kh, xã Đ, chị G và anh Q hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q mãi chơi, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Đến đầu năm 2016 chị G đi làm thuê ở công ty chè Hoàng Long thuộc xã H, huyện B nhưng anh Q ở nhà không quan tâm, chăm sóc các con dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đầu năm 2017 anh Q cũng đi làm thuê, lao động tự do, nay đây mai đó. Từ khoảng cuối năm 2017, đầu năm 2018 chị G cùng hai con sang nhà ngoại ở thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Về con chung, theo ý kiến của chính quyền địa phương, nếu chị G và anh Q ly hôn nên giao con cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng sẽ có điều kiện tốt hơn.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân sự phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn không đến tham gia tố tụng mặc dù Tòa án đã được triệu tập hợp lệ. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có

căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử cho Chị Đặng Thị G được ly hôn anh Bàn Văn Q. Về con chung: quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là các cháu Bàn Như Ng, sinh ngày 16/11/2009 và cháu Bàn Thị Ngọc B, sinh ngày 06/12/2012, đề nghị Hội đồng xét xử giao cả hai cháu cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: nguyên đơn là Chị Đặng Thị G được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn là chị Đặng Thị G có đơn khởi kiện “Ly hôn” với bị đơn là anh Bàn Văn Q, anh Bàn Văn Q có nơi cư trú tại thôn Kh, xã Đ, huyện B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn Chị Đặng Thị G vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Bàn Văn Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Bàn Văn Q.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa Chị Đặng Thị G và anh Bàn Văn Q xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến khoảng năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, anh Q không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên bảo nhưng không khắc phục được. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay Chị Đặng Thị G có yêu cầu xin ly hôn anh Bàn Văn Q. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho Chị Đặng Thị G được ly hôn anh Bàn Văn Q.

[2.2] Về việc nuôi con: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là các cháu Bàn Như Ng, sinh ngày 16/11/2009 và cháu Bàn Thị Ngọc B, sinh ngày 06/12/2012. Chị G có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo ý kiến của gia đình và chính quyền địa phương, nếu chị G và anh Q ly hôn nên giao các con cho chị G trực tiếp trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng sẽ có điều kiện tốt hơn vì anh Q là người không có trách nhiệm với gia đình, mặt khác, hiện nay các con là do chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao các cháu Bàn Như Ng, sinh ngày 16/11/2009 và Bàn Thị Ngọc B, sinh ngày 06/12/2012 cho Chị Đặng Thị G trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh Bàn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] *Về chia tài sản chung*: Chị Đặng Thị G không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] *Về án phí*: căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; nguyên đơn Chị Đặng Thị G được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Đặng Thị G được ly hôn anh Bàn Văn Q.

2. Về việc nuôi con: Xử giao cháu Bàn Như Ng, sinh ngày 16/11/2009 và cháu Bàn Thị Ngọc B, sinh ngày 06/12/2012 cho Chị Đặng Thị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh Bàn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung chị G, anh Q có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị G được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo luật định.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Hải Hà

